TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2026/HS-PT
Ngày: 18-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Dung
Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông
Bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 41/2026/TLPT-HS ngày 11 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo Đoàn Văn H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2026/HS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Đoàn Văn H, sinh năm 1980, tại tỉnh Trà Vinh (nay là tỉnh Vĩnh Long).

Nơi cư trú: ấp C, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp C, xã N, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn B (chết) và bà Lê Thị N; có vợ Nguyễn Kim C và bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đặng Văn C1, Luật sư Văn phòng Luật sư Đặng Văn C1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh V.

Người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:

- Bị hại: Ông Bùi Văn N1, sinh năm 1974. Nơi cư trú: ấp K, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Ngoài ra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn H1, bà Lương Thị N2 không có kháng cáo, không bị kháng nghị hoặc không có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị, tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 11/12/2024, bị hại Bùi Văn N1 phụ cúng đám giỗ của cha ruột tại nhà ông Bùi Văn T (em ruột bị hại N1), địa chỉ ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày bị hại N1 ra về. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, bị hại N1 nghe tin có ông Trần Văn L, ông Nguyễn Văn H1 và bà Lương Thị N2 (vợ ông H1) đến uống rượu, bia tại đám giỗ. Do bị hại N1 không thích và không muốn những người này đến dự đám giỗ cha ruột của mình nên sau khi nghe tin có người cự cãi tại đám giỗ bị hại N1 nghĩ là ông L, ông H1 và bà N2 quậy phá, cự cãi tại đám giỗ (thực tế việc cự cãi là do vợ chồng Lê Văn C2) nên bị hại N1 điều khiển xe chạy đến đám giỗ, trên đường đi bị hại N1 ghé vào quán ông Nguyễn Thanh P, địa chỉ ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long để uống cà phê. Tại đây, bị hại N1 gặp bị cáo Đoàn Văn H đang ngồi uống cà phê, bị hại N1 gọi điện cho bà Bùi Thị Diễm T1 (cháu bị hạiNhân) ở gần đám giỗ hỏi xem ông L, ông H1 và bà N2 có mặt tại đó không và hâm dọa đòi đánh ông L, ông H1 và bà N2, lúc này bị cáo H nghe được nội dung sự việc trên. Sau đó, bị hại N1 đi đến đám giỗ, còn bị cáo H đi về nhà, trên đường về bị cáo H gọi điện thoại cho ông L kể lại sự việc bị hại N1 đòi đánh ông L, ông H1 và bà N2. Khi nghe bị cáo H kể lại sự việc, ông L gọi điện cho bà N2 biết tránh mặt để không xảy ra đánh nhau, ông H1, bà N2 rời khỏi đám giỗ.

Khi bị hại N1 đến đám giỗ và đứng ngoài cổng nhìn vào không thấy ông L, ông H1 và bà N2 ở đó, bị hại N1 chạy xe đến quán cà phê của bà Nguyễn Thị Hồng Q, địa chỉ ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long. Sau đó, bà N2 gọi điện cho bà Bùi Thị D (em ruột bị hại N1) để hỏi nguyên nhân vì sao ông N1 hâm dọa đánh, rồi cùng ông H1 đi tìm bị hại N1 để hỏi rõ sự việc.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, khi bị hại N1 chạy xe ra khỏi quán của bà Q, cùng lúc này ông H1, bà N2 chạy xe đến, bà N2 kêu bị hại N1 để nói chuyện nhưng bị hại N1 chạy đi, ông H1 chạy theo đến quán cà phê của ông P. Lúc này, bị cáo H cũng vừa đến quán và định vòng xe về nhà thì bị bị hại N1 điều khiển xe mô tô chạy chặn trước đầu xe của bị cáo H. Bị hại N1 xuống xe, trên tay cầm nón bảo hiểm, cự cãi với bị cáo H, do nghi ngờ bị cáo H là người gọi điện cho ông L, ông H1 và bà N2. Bị cáo H rút chùm chìa khóa xe ra trong này có 01 lưỡi dao có chữ USA màu trắng, bằng kim loại, mũi nhọn, dài 09 cm rồi bước xuống xe, bị hại N1 xông vào đánh liên tiếp nhiều cái trúng vào vùng mặt, đầu của bị

cáo H nên bị cáo H bị choáng, lùi lại và té ngã xuống lộ nhựa, bị hại N1 tiếp tục dùng chân đạp nhiều cái vào người và dùng chân đè cổ bị cáo xuống mặt lộ, bị cáo H vùng vẫy và được ông H1 xông vào can ngăn, đẩy bị hại N1 ra, bị cáo mới đứng dậy được. Lúc này, tay phải bị cáo cầm 01 lưỡi dao (có chữ USA màu trắng, bằng kim loại, mũi nhọn, dài 09cm), bị hại N1 tiếp tục xông vào, bị cáo H cầm lưỡi dao đâm nhiều cái theo hướng từ trên xuống trúng vào má bên phải, vùng cổ bên phải, thái dương phải, xoăn tai bên phải và cẳng tay trái của bị hại N1 gây thương tích.

Sau khi bị thương tích bị hại N1 chạy vào trong quán cà phê của ông P, còn bị cáo H điều khiển xe chạy về nhà phát hiện mặt bị sưng và mẻ răng nên được gia đình đưa đến Bệnh viện Đ điều trị đến ngày 12/12/2024 xuất viện. Bị hại N1 bị chảy nhiều máu nên được người thân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ điều trị thương tích đến ngày 14/12/2024 xuất viện, đến ngày 06/01/2025 bị hại N1 tiếp tục đến Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Thành phố H điều điều trị thương tích, đến ngày 09/01/2025 xuất viện.

Quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra, bị cáo Đoàn Văn H đã thừa nhận toàn bộ hành vi nêu trên (các bút lục số 369-388, số 394-397).

Tại Bản kết luận giám định số: 34/2025/KLTTCT-TTPY ngày 11/02/2025 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh T kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Sẹo nhỏ vùng môi trên. Tỷ lệ: 3% (Ba phần trăm).
- Sẹo nhỏ vùng gối phải. Tỷ lệ: 1% (Một phần trăm).
- Sẹo nhỏ vùng mặt lòng đốt giữa ngón 5 bàn tay phải. Tỷ lệ: 1% (Một phần trăm).
- Mẻ răng R21. Tỷ lệ: 1% (Một phần trăm).

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, giám định Pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân Đoàn Văn H tại thời điểm giám định là: 6% (Sáu phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

3. Kết luận khác:

- Cơ chế hình thành vết thương trên người nạn nhân Đoàn Văn H là: Do ngoại lực tác động trực tiếp; Vật gây ra thương tích vùng môi trên và mẻ răng 21 là: Vật tày cứng; Hướng từ trên xuống; Vật gây ra vùng gối phải là: Do va chạm trực tiếp vào vật tày cứng; Vật gây ra thương tích vùng mặt lòng đốt giữa ngón 5 bàn tay phải là: Do va chạm trực tiếp vào vật sắc (các bút lục số 221-223).

Tại Bản kết luận giám định 74/2025/KLTTCT-TTPY ngày 20/3/2025 của Trung tâm Pháp y - Sở y tế tỉnh T kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Tổn thương tuyến nước bọt mang tai bên phải. Tỷ lệ: 5% (Năm phần trăm).

- Sẹo trung bình vùng má bên phải. Tỷ lệ: 6% (Sáu phần trăm).

- Hai (02) Sẹo nhỏ vùng cổ bên phải. Tỷ lệ mỗi sẹo: 2% (Hai phần trăm).

- Sẹo nhỏ vùng thái dương phải. Tỷ lệ: 1% (Một phần trăm).

- Sẹo nhỏ vùng xoăn tai bên phải. Tỷ lệ: 1% (Một phần trăm).

- Sẹo nhỏ vùng 1/3 giữa trước cẳng tay trái. Tỷ lệ: 1% (Một phần trăm)

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, giám định Pháp tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân Bùi Văn N1 tại thời điểm giám định là: 17% (Mười bảy phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

3. Kết luận khác: Cơ chế hình thành vết thương trên người nạn nhân Bùi Văn N1 là: Do ngoại lực tác động trực tiếp; vật gây ra thương tích trên là: Vật sắc nhọn; Hướng từ trên xuống, từ trước ra sau (các bút lục số 227-229).

Cơ quan điều tra đã thông báo kết luận giám định của bị hại N1 cho bị cáo và bị hại N1 biết, bị cáo H thống nhất kết luận giám định, bị hại N1 không đồng ý kết quả giám định và yêu cầu giám định lại thương tích.

Tại Bản kết luận giám định số 145/KLTTCT-PVPYQG ngày 20/6/2025 của P1 tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Sẹo kích thước trung bình vùng hàm gò má phải.

- Hai vết sẹo kích thước nhỏ vùng cổ bên phải.

- Sẹo kích thước nhỏ vùng xoăn tai phải.

- Sẹo kích thước nhỏ vùng cổ sau tai phải.

- Sẹo kích thước nhỏ vùng cẳng tay trái.

Tổn thương tuyến nước bọt mang tai bên phải đã phẫu thuật, hiện không gây khô miệng.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019, của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Bùi Văn N1 tại thời điểm giám định là: 17% (mười bảy phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư (các bút lục 232-237).

Đối với yêu cầu xử lý ông Nguyễn Văn H1 có hành vi ôm bị hại N1 để cho bị cáo gây thương tích của bị hại N1: Qua làm việc bị cáo và ông H1 đều khẳng định ông H1 không có ôm bị hại N1 để cho bị cáo đâm bị hại N1 gây thương tích. Quá trình xảy ra vụ án trời tối, không có ai trực tiếp chứng kiến, đồng thời ông H1 khai khi ông đến hiện trường thì bị cáo đang nằm trên lộ nhựa và bị bị hại N1 có dùng nón bảo hiểm và tay đánh nên ông (Hơn) có xông vào đẩy bị hại

N1 ra để can ngăn, do đó không đủ cơ sở để xem xét, xử lý trách nhiệm đối với ông Nguyễn Văn H1.

Đối với yêu cầu của bị hại N1 về việc xử lý ông L, ông H1 và bà N2 có hành vi tổ chức gây thương tích cho bị hại N1: Quá trình điều tra xác định chỉ có bị cáo Đoàn Văn H là người gây ra thương tích cho ông, giữa bị cáo với ông L, ông H1 và bà N2 không có bàn bạc, tổ chức, cũng không ai rủ rê, xúi giục, giúp sức cho bị cáo H gây thương tích cho ông N1 nên không có cơ sở xử lý.

Đối với hành vi của ông Bùi Văn N1 dùng nón bảo hiểm đánh ông H1: Quá trình điều tra xác định bị hại N1 có hành vi cầm nón bảo hiểm đánh trúng vào vai của ông Nguyễn Văn H1 một cái nhưng không gây thương tích, do ông H1 không yêu cầu xử lý hành vi nêu trên nên không xem xét giải quyết.

Đối với thương tích của bị cáo Đoàn Văn H: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V đã ra Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan đến vụ án hình số A2213/QĐ-VPCQCSĐT, ngày 06/11/2025 về hành vi Cố ý gây thương tích của ông Bùi Văn N1, sinh ngày 01/01/1974, nơi thường trú ấp K, xã B, tỉnh Vĩnh Long gây thương tích cho ông Đoàn Văn H, sinh ngày 01/01/1980, địa chỉ: Ấp C, xã N, tỉnh Vĩnh Long xảy ra tại ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 11/12/2024 để kiểm tra, xác minh làm rõ xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/02/2025, Đoàn Văn H có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với hành vi gây thương tích của ông Bùi Văn N1. Đến ngày 29/10/2025 Đoàn Văn H có đơn xin rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với ông N1 (BL 456)

Về trách nhiệm dân sự: Ông N1 yêu cầu bồi thường với tổng số tiền 134.919.000 đồng, nếu có phát sinh chi phí tái khám sẽ yêu cầu sau. Bị cáo không đồng ý bồi thường số tiền mà ông N1 yêu cầu, đồng ý bồi thường các khoản chi phí theo quy định pháp luật và đã nộp số tiền 10.000.000 đồng tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11-Vĩnh Long để bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần hậu quả (các bút lục 257-276).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2026/HS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn H phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn H 02 (hai) năm tù. Thời hạn phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc bắt bị cáo Đoàn Văn H chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586, 588, 590 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm

2015. Căn cứ Nghị quyết số: 02/2022/NQ-HĐTP, ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Buộc bị cáo Đoàn Văn H có nghĩa vụ bồi thường cho ông Bùi Văn N1 số tiền 89.219.000 đồng.

Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long tiếp tục quản lý tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) do bị cáo Đoàn Văn H nộp, theo biên lai thu tiền số 0000508, ngày 25/8/2025 để đảm bảo cho việc thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, nghĩa vụ chậm trả tiền bồi thường, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026 bị cáo Đoàn Văn H có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại tội danh, giảm nhẹ hình phạt và giảm số tiền bồi thường, cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo và giảm tiền bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã xét xử, đồng ý kết luận giám định tỷ lệ thương tích của ông N1. Bị cáo đồng ý bồi thường chi phí chữa trị, tái khám, giám định thương tật, tiền chi lại, chi phí ăn dưỡng và ngày công lao động cho ông N1 tổng cộng 42.419.000 đồng.

Về phía ông Bùi Văn N1 trình bày: Ông N1 không đồng ý giảm tiền bồi thường tổn thất tinh thần cho bị cáo H vì lời trình bày của bị cáo không đúng với sự việc xảy ra. Bị cáo cũng không có thiện chí thấy được lỗi đã gây ra thiệt hại sức khỏe cho ông.

Luật sư Đặng Văn C1 bào chữa cho bị cáo Đoàn Văn H trình bày: Nguyên nhân xảy ra vụ án không phải do lỗi của bị cáo mà xuất phát từ lỗi của bị hại. Khi bị hại đánh bị cáo có người can ngăn nhưng bị hại vẫn tiếp tục đánh bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Văn H1 là người đã can ngăn ông N1, xem xét áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự về phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hay điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra. Trong vụ án này bị hại là người có lỗi nên cần được xem xét giảm nhẹ một phần bồi thường thiệt hại do ông N1 là người có lỗi. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân khách quan và tính chất mức độ phạm tội của bị cáo; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm c, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự vì vậy đủ điều kiện

áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự và có đủ căn cứ áp dụng cho bị cáo hưởng án treo theo quy định Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Đoàn Văn H. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2026/HS-ST ngày 12/01/2026 của Toà án nhân dân khu vực 11-Vĩnh Long.

- Về hình phạt: Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn H 02 (hai) năm tù, về tội "Cố ý gây thương tích". Thời hạn phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586, 588, 590 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Đoàn Văn H có nghĩa vụ bồi thường cho ông Bùi Văn N1 số tiền 89.219.000 đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) do bị cáo Đoàn Văn H nộp, theo biên lai thu tiền số 0000508, ngày 25/8/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long để đảm bảo cho việc thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Bị cáo Đoàn Văn H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo Đoàn Văn H: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và giảm tiền bồi thường tổn thất tinh thần do gia đình bị cáo khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, Luật sư, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Đoàn Văn H nộp trong hạn luật định là hợp lệ, phù hợp quy định Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Lời khai của bị cáo Đoàn Văn H tại phiên tòa phúc thẩm, phù hợp lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 20 giờ ngày 11/12/2024 tại ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long) bị cáo Đoàn Văn H đã có hành vi sử dụng lưỡi dao có chữ USA

màu trắng, bằng kim loại, mũi nhọn, dài 09cm là hung khí nguy hiểm đâm nhiều cái theo hướng từ trên xuống trúng vào má bên phải, vùng cổ bên phải, thái dương phải, xoăn tai bên phải và cẳng tay trái của bị hại Bùi Văn N1 gây thương tích với tỷ lệ theo kết luận giám định là 17%. Hành vi của bị cáo H sử dụng lưỡi dao có bằng kim loại, mũi nhọn, dài 09cm là hung khi nguy hiểm gây thương tích cho bị hại N1 với tỷ lệ 17% đã phạm vào tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo H về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm, khoản, điều luật trên là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nên cần xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo của bị cáo Đoàn Văn H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện nộp 10.000.000 đồng để bồi thường khắc phục một phần hậu quả; bị hại ông Bùi Văn N1 cũng có một phần lỗi. Ngoài ra, bị cáo có sức khỏe không tốt, bị bệnh suy tim, hở van 2 lá nặng, đái tháo đường típ 2, rối loạn lipid máu; vợ bị cáo Nguyễn Kim C hiện đang bị bệnh nặng được Bệnh viện Ung bướu CS2 Thành phố H; con bị cáo Đoàn Tấn T2 bị bệnh hội chứng thực bào máu, nhiễm trùng huyết và tăng men cao và trí tuệ hỗn hợp ở mức chậm trung bình – so với lứa tuổi, kiến thức mức độ chậm trung bình – so với trình độ học vấn ở nhà trường; hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương; bị cáo là lao động chính trong gia đình được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Mức khung hình phạt truy tố bị cáo có mức án tù từ 02 năm đến 06 năm, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo mức án 02 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi xét xử bị cáo nộp đơn kháng cáo kèm theo các tài liệu đơn xin xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, giấy khám sức khỏe của bị cáo và chứng nhận bệnh của ông bị cáo và tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo cung cấp đơn thuốc, kết quả siêu âm tim của bị cáo, tuy nhiên các tài liệu chứng cứ trên chứng minh cho bị cáo có sức khỏe không tốt đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, ngoài ra bị cáo cũng không còn cung cấp tài liệu, chứng cứ nào mới, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo của bị cáo.

Vì vậy giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm trách nhiệm dân sự, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa, bị cáo H và bị hại N1 thống nhất các khoản bồi thường gồm: Chi phí điều trị tại Bệnh viện R Mặt số tiền: 9.784.000 đồng; chi phí tái khám: 1.835.000 đồng; chi phí giám định thương tật: 2.080.000 đồng; chi phí ăn dưỡng trong thời gian điều trị vết thương từ ngày 11/12/2024 đến ngày 09/01/2025 là 29 ngày x 200.000 đồng/ngày = 5.800.000 đồng; ngày công không lao động của bị hại N1 trong thời gian điều trị vết thương từ ngày 11/12/2024 đến ngày 09/01/2025 là 29 ngày + 30 ngày để hồi phục vết thương, tổng cộng là 59 ngày x 300.000 đồng/ ngày = 17.700.000 đồng; chi phí người nuôi bị hại N1 với số tiền 3.200.000 đồng; tiền xe đi lại là: 2.020.000đồng. Tổng cộng các khoản trên là 42.419.000 đồng. Do bị cáo và bị hại thỏa thuận thống nhất bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền trên nên ghi nhận sự thỏa thuận của các bên về các chi phí nêu trên.

Xét bị cáo kháng cáo yêu cầu giảm tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần: Xét thấy bị cáo gây thương tích cho bị hại N1 với tỷ lệ thương tật là 17%, đã ảnh hưởng nghiêm trọng về sức khỏe và tinh thần của bị hại N1, là nguyên nhân gây giảm sút về sức khỏe cho bị hại, do đó bị hại N1 yêu cầu bị cáo bồi thường tiền tổn thất về tinh thần là có căn cứ, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho bị hại 20 tháng lương cơ sở: 2.340.000đồng/tháng x 20 tháng = 46.800.000 đồng là phù hợp với quy định Điều 590 của Bộ luật Dân sự. Do đó, kháng cáo của bị cáo H yêu cầu giảm tiền bồi thường tổn thất tinh thần không có căn cứ chấp nhận. Buộc bị cáo H phải bồi thường cho bị hại Bùi Văn N1 tổng số tiền: 89.219.000 đồng.

[6] Phát biểu của Luật sư bào chữa cho bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện và hậu quả xảy ra, xét đề nghị của Luật sư về việc áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên phù hợp với quy định pháp luật và nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Bị cáo Đoàn Văn H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đoàn Văn H.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2026/HS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11-Vĩnh Long.

2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025.

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn H 02 (hai) năm tù, về tội "Cố ý gây thương tích". Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585 và 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Đoàn Văn H có nghĩa vụ bồi thường cho ông Bùi Văn N1 số tiền 89.219.000 đồng (T3 mươi chín triệu hai trăm mười chín nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) do bị cáo Đoàn Văn H nộp theo biên lai thu tiền số 0000508 ngày 25/8/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11-Vĩnh Long để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo đối với bị hại N1.

4. Án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đoàn Văn H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT I -TANDTC: 02;
- VKSNDTC (Vụ 7): 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- TAND khu vực 11-Vĩnh Long: 02;
- VKSND khu vực 11-Vĩnh Long: 01;
- Phòng THADS khu vực 11-Vĩnh Long: 01;
- Bị cáo: 02;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Công an xã Nhị Long: 04;
- Lưu Văn phòng: 01;
- Phòng GĐ,KT,TT&THA tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 02.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Võ Thị Mỹ Dung